



PHỤ LỤC

ATTACHMENT

(Kèm theo quyết định số: 999.2020/QĐ - VPCNCL ngày 16 tháng 12 năm 2020 của giám đốc Văn phòng Công nhận Chất lượng)

Tổ chức giám định: Công ty TNHH Giám định Bảo Định

Inspection Body: Bao Dinh Inspection Company Limited

Mã số / Code: VIAS 085

Địa chỉ trụ sở chính
The head office address: Số 3 Lê Thánh Tông, Phường Máy Tơ, Quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng

Địa điểm công nhận
Accredited locations: Số 3 Lê Thánh Tông, Phường Máy Tơ, Quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng

Điện thoại/ Tel: 0225. 3765. 693

Email: badinco@hn.vnn.vn

Website: <https://www.badinco.com.vn>

Loại tổ chức giám định/
Type of Inspection: Loại A/Type A

Người phụ trách/
Representative: Nguyễn Ngọc Trung

Người có thẩm quyền ký/ Approved signatory :

TT	Họ và tên/ Name	Phạm vi được ký/ scope
1.	Nguyễn Ngọc Trung	Các báo cáo và chứng thư thuộc phạm vi công nhận All of accredited certificates
2.	Đoàn Hải Châu	Các báo cáo và chứng thư thuộc phạm vi công nhận - phòng nghiệp vụ 1 All of accredited certificates – Division No1
3.	Nguyễn Đức Thứ	
4.	Chu Ngọc Hiệu	Các báo cáo và chứng thư thuộc phạm vi công nhận - phòng nghiệp vụ 2 All of accredited certificates – Division No2
5.	Nguyễn Văn Hùng	Các báo cáo và chứng thư thuộc phạm vi công nhận - phòng nghiệp vụ 3 All of accredited certificates – Division No3
6.	Nguyễn Thị Mai	
7.	Hoàng Đăng Sơn	Các báo cáo và chứng thư thuộc phạm vi công nhận - phòng nghiệp vụ 5 All of accredited certificates – Division No5

Hiệu lực công nhận:
Period of Validation: 16/ 12/ 2023

DANH MỤC HOẠT ĐỘNG GIÁM ĐỊNH ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED INSPECTIONS

VIAS 085

Lĩnh vực giám định <i>Field of Inspection</i>	Đối tượng giám định <i>Inspection Items</i>	Nội dung giám định <i>Range of Inspection</i>	Phương pháp, qui trình giám định <i>Inspection Methods/ Procedures</i>
Khí, dầu mỏ và sản phẩm dầu mỏ <i>Gas, petroleum and petroleum products</i>	Xăng, dầu DO <i>Gasoline, DO</i>	- Khối lượng theo thể tích bồn bể <i>Weight by bunker survey</i>	WI-13
Khoáng sản <i>Mineral</i>	Than đá, Than bùn <i>Coal, peat</i>	- Khối lượng (cân cầu, cân bàn, món nước tàu, món nước sà lan) <i>Weight (by scale, by draft survey)</i> - Lấy mẫu <i>Sampling</i> - Chất lượng chỉ tiêu độ ẩm <i>Quality of moisture</i>	WI-35 WI-37
Giao nhận <i>During delivery</i>	Hàng hoá <i>Goods</i>	- Số lượng kiểm đếm <i>Tally</i> - Khối lượng (cân cầu, cân bàn, món nước tàu, món nước sà lan) <i>Weight (by scale, by draft survey)</i>	WI-03 WI-14 WI-61 WI-58 WI-09
Tổn thất <i>Damage survey</i>	Hàng hoá <i>Goods</i>	Mức độ tổn thất, nguyên nhân tổn thất <i>Extent and cause of lost</i>	WI-07
	Tài sản, phương tiện giao thông đường bộ, máy công trình <i>Properties, road transport, construction machine</i>	Mức độ tổn thất, nguyên nhân tổn thất <i>Extent and cause of lost</i>	WI-63

Ghi chú/ Note:

WI-xx: Qui trình giám định tổ chức giám định xây dựng / IB's developed procedure